

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2026
*V/v Tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Thanh Nghệ

Ông Phạm Ngọc Chiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1990 - Địa chỉ: **Thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Vi Thị M**, sinh năm 1991 - Địa chỉ: **Thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên** (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1958; Chị **Vi Thị M1**, sinh năm 1989; Chị **Vi Thị L**, sinh năm 1994. Đều trú tại: **Thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên** (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2025, nộp trực tiếp cùng ngày, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh **Nguyễn Đình T** trình bày:

Anh ly hôn với chị **Vi Thị M** theo Bản án hôn nhân và gia đình số 09/2024/HNGĐ-ST, ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh). Thời điểm ly hôn, con chung **Nguyễn Ngọc Huyền T2**, sinh ngày 14/12/2021 được giao cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị **M** không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, vì chị **M** đi làm xa nên con **T2** sống cùng bố mẹ đẻ và chị gái của chị **M** là bà **Trần Thị T1** và ông **Vi Văn N** và chị **Vi Thị M1** (chị gái của **M**) trú tại **thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên**. Bà **T1**, ông **N** hiện nay cũng đã già yếu, chị **M1** hiện đã ly hôn và về chung sống cùng bố mẹ đẻ của chị **M**. Chị **M** đi làm ăn xa nhà, rất hiếm khi về nhà, thường xuyên bỏ mặc con.

Khoảng tháng 10 năm 2024 chị **M** đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay anh **T** không thể cung cấp địa chỉ chính xác của chị **M** ở nước ngoài. Anh **T** có gọi điện hỏi mẹ chị **M** thì bà chỉ bảo là chị **M** đi Đài Loan, Chị **M** không còn ở địa phương không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về phần anh **T** đã có nhà riêng tại **thôn N, xã X, tỉnh Bắc Ninh** (mặc dù anh **T** ở cùng với bố mẹ đẻ của anh **T** tuy nhiên giờ chỉ có anh **T** ở với ông bà còn anh trai của anh **T** là anh **Nguyễn Đình T3** khác ở nhà riêng). Anh **T** có công việc, thu nhập ổn định, có đủ thời gian, điều kiện kinh tế, tình cảm để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh **T** muốn trao đổi với chị **M** về việc nuôi con nhưng chị **M** không đồng ý nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc Huyền T2**. Anh không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu **T2**.

Anh **T** đã nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các phiếu lương để chứng minh cho thu nhập, nguồn kinh tế của bản thân và có trình bày điều kiện nuôi con của anh **T** (đơn có xác nhận **thôn N** và Ủy ban nhân dân **xã X, tỉnh Bắc Ninh**).

Bị đơn chị **Vi Thị M** đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, qua em gái, chị gái của chị **M** là **Vi Thị L, Vi Thị M1** cung cấp ý kiến của chị **M** là tôn trọng quyết định của anh **T**, tuy nhiên chị **M** vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi con **T2** đủ 18 tuổi và nhờ bố mẹ chị **M** và chị **M1** là chị gái **M** trông nom, chăm sóc cháu **T2** đến khi chị **M** về nước, chị **M** không có yêu cầu phản tố không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh **T** có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người làm chứng đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng là đúng với quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao con chung **Nguyễn Ngọc Huyền T2**, sinh ngày 14/12/2021 cho anh **Nguyễn Đình T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **T2** đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh **T** không yêu cầu nên không xem xét; Chị **M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa anh **Nguyễn Đình T** và chị **Vi Thị M** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên** nên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 27/3/2026 và ngày 20/4/2026 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại bản án hôn nhân và gia đình số 09/2024/HNGĐ-ST, ngày 25/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân

khu vực 2- Bắc Ninh). Anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Vi Thị M, giao con chung Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh ngày 14/12/2021 cho chị Vi Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng chị M không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Nay anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Huyền T2 và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương xác định chị Vi Thị M, sinh ngày 13/10/1991, số căn cước công dân 006191003673, có hộ khẩu tại thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên trong hộ ông Vi Văn N, hiện nay chị Vi Thị M không có mặt tại nơi cư trú từ tháng 6/2025, đang làm việc tại Đài Loan; Cháu Nguyễn Ngọc Huyền T2, sinh ngày 14/12/2021 có tên trong hộ khẩu của ông Vi Văn N. Sau khi anh T, chị M ly hôn, cháu Nguyễn Ngọc Huyền T2 do chị M đi làm xa nên sống cùng bố mẹ đẻ và chị gái của chị M là bà Trần Thị T1 và ông Vi Văn N và chị Vi Thị M1 (chị gái của M) trú tại thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Chị M đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị M đi làm ăn xa việc chăm sóc, đưa cháu T2 đi học là bà Trần Thị T1 mẹ chị M, ông Vi Văn N bố chị M và chị Vi Thị M1 chị gái chị M hỗ trợ. Hiện anh T và gia đình chị M không cung cấp được địa chỉ chính xác của chị M ở bên Đài Loan.

Tại công văn số 11/PQLXNC ngày 05/01/2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh T cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Tại thời điểm tra cứu, Vi Thị M đã được cấp hộ chiếu số E01834089 cấp ngày 19/6/2024 qua cửa khẩu N1, Hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Sau khi ly hôn, tháng 6/2024 chị M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Huyền T2 mà giao cho bố, mẹ đẻ và chị gái trông nom. Mặc dù chị M vẫn thường xuyên quan tâm đến con, gửi các chi phí sinh hoạt, học tập về cho con song điều này chỉ đáp ứng một phần về điều kiện về vật chất, chưa đảm bảo được việc chăm sóc, giáo dục trực tiếp, thường xuyên đối với cháu T2.

Tòa án xét thấy, việc nuôi con không chỉ dừng lại ở việc cấp dưỡng về vật chất mà còn bao gồm việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nhằm bảo đảm sự phát triển của con. Việc chị M đi xuất khẩu lao động, không trực tiếp thực hiện nghĩa vụ chăm sóc con đã ảnh hưởng đến quyền lợi của con về mọi mặt.

Mặt khác, anh T có điều kiện ổn định về chỗ ở, công việc, có thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, đảm bảo tốt hơn quyền lợi của con về

mọi mặt. Vì vậy, có căn cứ xác định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cháu **Nguyễn Ngọc Huyền T2**.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T** không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Đình T** về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Giao cháu **Nguyễn Ngọc Huyền T2**, sinh ngày 14/12/2021 cho anh **Nguyễn Đình T** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T** không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Ngọc Huyền T2** nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Vi Thị M** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Nguyễn Đình T** được hoàn lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002706 ngày 08/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 -Thái Nguyên;
- Phòng THADS khu vực 8 -Thái Nguyên;
- UBND xã Hiệp Lực, tỉnh Thái Nguyên.
- Đương sự;
- Người làm chứng;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Thị Luân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Chiêm Nông Thanh Nghệ

Lý Thị Luân